



HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thông tin PHỔ BIẾN PHÁP LUẬT

THỰC HIỆN NGHIÊM QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT
TRONG PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH COVID-19
VÀ CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG DỊCH THEO YÊU CẦU “5K”
CHUNG TAY PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH COVID-19



Cài đặt ứng dụng
Bluezone tại địa chỉ
<https://www.bluezone.gov.vn>
để được cảnh báo nguy cơ
lây nhiễm COVID-19

SỐ 04
NĂM 2021



Chịu trách nhiệm xuất bản
Ông HỒ VĂN GIA
Giám đốc Sở Tư pháp

Ban Biên tập
(Theo Quyết định số: 144/QĐ-STP
ngày 13/5/2019 của Sở Tư pháp)

Trụ sở sơ quan
Số 286, đường 30/4, Phường Xuân Khánh,
Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ
Điện thoại: 0292.3 820 657
Fax: 0292.3 820 657
Email: sotp@cantho.gov.vn

**Tra cứu, tìm kiếm thông tin
pháp luật bằng internet
qua các trang dữ liệu pháp luật:**

- ☛ Trang tra cứu văn bản pháp luật:
www.thuvienphapluat.vn;
www.luatvietnam.vn.
- ☛ Trang web văn bản của Chính phủ:
www.vanban.chinhphu.vn
- ☛ Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp:
www.moj.gov.vn
- ☛ Trang web hệ thống văn bản quy phạm
pháp luật của Văn phòng Quốc hội:
www.vietlaw.gov.vn

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN

- * Giấy phép số: 81/GP-STTTT do Sở Thông tin và Truyền thông TP. Cần Thơ cấp ngày 07 tháng 6 năm 2021. Số lượng in: 850 bản. Khổ 19 x 27cm.
- * In tại Công ty CP In Tổng hợp Cần Thơ. Số 500 đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 6 năm 2021.

MỨC HỖ TRỢ CÔNG ĐOÀN VIÊN, NGƯỜI LAO ĐỘNG BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI DỊCH COVID-19

Ngày 19/5/2021, Tổng Liên đoàn Lao động ban hành Quyết định số 2606/QĐ-TLĐ về chi hỗ trợ khẩn cấp cho đoàn viên, người lao động (NLĐ) bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 trong đợt bùng phát dịch lần thứ 4 từ ngày 27/4/2021.

Theo đó, mức hỗ trợ đoàn viên, NLĐ bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 như sau:

- Đoàn viên; NLĐ khu vực có quan hệ lao động (bao gồm cả doanh nghiệp, đơn vị chưa có tổ chức công đoàn) là F0 đang điều trị bệnh, không vi phạm các quy định của pháp luật về phòng, chống dịch được hỗ trợ tối đa là 3 triệu đồng/người;

- Đoàn viên; NLĐ (tại các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị có đóng kinh phí công đoàn) là F1 phải cách ly y tế 21 ngày tại nơi cách ly tập trung theo quyết định của CQNN có thẩm quyền; Không áp dụng đối với hình thức cách ly tại nhà, nơi lưu trú, doanh nghiệp, không vi phạm các quy định của pháp luật về phòng, chống dịch, mức hỗ trợ tối đa là 1,5 triệu đồng/người.

- Có quyết định phải áp dụng biện pháp cách ly y tế tại nhà theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, có hoàn cảnh khó khăn;

- Lao động nữ đang mang thai, NLĐ nuôi con nhỏ dưới 6 tuổi, NLĐ buộc phải nghỉ việc do đang cư trú trong các khu vực bị phong tỏa theo yêu cầu của CQNN có thẩm quyền, mức hỗ trợ tối đa 500.000 đồng/người.

Quyết định số 2606/QĐ-TLĐ có hiệu lực từ ngày 19/5/2021.



HƯỚNG DẪN THEO DÕI SAU TIÊM VẮC XIN PHÒNG COVID-19

Ngày 11/5/2021, Bộ Y tế ban hành Công văn số 3886/BYT-DP về việc hướng dẫn giám sát sự cố bất lợi sau tiêm vắc xin phòng COVID-19.

Theo đó, để chủ động phát hiện và xử trí kịp thời các sự cố bất lợi sau tiêm vắc xin phòng COVID-19, đặc biệt là tai biến nặng sau tiêm, Bộ Y tế hướng dẫn việc theo dõi sau tiêm vắc xin phòng COVID-19 như sau:

THEO DÕI NGƯỜI ĐƯỢC TIÊM ÍT NHẤT 30 PHÚT SAU TIÊM CHỦNG TẠI ĐIỂM TIÊM CHỦNG.

THEO DÕI TẠI NHÀ TRONG VÒNG 24 GIỜ SAU TIÊM CHỦNG VÀ TIẾP TỤC TRONG VÒNG 7 NGÀY SAU TIÊM CHỦNG VỀ CÁC DẤU HIỆU: TOÀN TRẠNG, TINH THẦN, ĂN, NGỦ, THỞ, PHÁT BAN, TRIỆU CHỨNG TẠI CHỖ TIÊM.

TIẾN HÀNH THÔNG BÁO CHO NHÂN VIÊN Y TẾ NẾU CÓ DẤU HIỆU BẤT THƯỜNG.

LIÊN HỆ VỚI BỆNH VIỆN HOẶC CÁC CƠ SỞ Y TẾ GẦN NHẤT NẾU SAU TIÊM CHỦNG CÓ MỘT TRONG CÁC DẤU HIỆU NHƯ SỐT CAO ($>39^{\circ}\text{C}$), TÍM TÁI, KHÓ THỞ... HOẶC KHI PHẢN ỨNG THÔNG THƯỜNG KÉO DÀI TRÊN 24 GIỜ SAU TIÊM.

CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC XEM XÉT ĐỀ NGHỊ NHẬP CẢNH VÀO VIỆT NAM

Ngày 27/4/2021, Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng chống dịch COVID-19 có Công văn số 3440/CV-BCĐ hướng dẫn quản lý các trường hợp đề nghị nhập cảnh Việt Nam để phòng dịch.



THEO ĐÓ, CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC XEM XÉT ĐỀ NGHỊ NHẬP CẢNH VÀO VIỆT NAM BAO GỒM

Người nước ngoài là chuyên gia, nhà đầu tư, nhà quản lý kinh doanh, lao động kỹ thuật cao (sau đây gọi tắt là chuyên gia) và thân nhân (bố, mẹ, vợ, chồng, con);

Người nước ngoài nhập cảnh với mục đích ngoại giao, công vụ và thân nhân (bố, mẹ, vợ, chồng, con);

Học sinh, sinh viên nước ngoài học tập tại Việt Nam;

Công dân Việt Nam: doanh nhân; trí thức; học sinh; sinh viên; người già; người đi thăm thân, du lịch hết hạn; lao động hết hợp đồng; hết hạn học tập, bị kẹt ở nước ngoài; người ra nước ngoài KCB; người hết hạn visa;

Các trường hợp xin nhập cảnh mang tính nhân đạo và các trường hợp đặc biệt khác.

Cam kết không ra khỏi nhà sau khi hoàn thành cách ly tập trung

Ngày 5/5/2021, Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng chống dịch COVID-19 có Công điện số 597/CD-BCĐ về thực hiện nghiêm các quy định về cách ly tập trung và quản lý sau khi kết thúc cách ly tập trung phòng chống dịch Covid-19

Theo đó, người sau khi hoàn thành cách ly tập trung phải cam kết thực hiện một số nội dung sau:

- Không được ra khỏi nhà, nơi lưu trú;

Nếu bắt buộc phải ra khỏi nhà, nơi lưu trú để làm việc hoặc thực hiện các công việc cần thiết khác thì phải báo cho công an, y tế địa phương và thực hiện nghiêm khuyến cáo 5K của Bộ Y tế; không tụ tập, đến nơi đông người.

- Phải sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin để giám sát việc thực hiện phòng chống dịch trong suốt thời gian theo dõi sức khỏe tại nhà, nơi lưu trú.

- Phải thực hiện xét nghiệm virus SARS-CoV-2 vào ngày thứ 7 (tính từ ngày kết thúc cách ly tập trung):

- + Nếu kết quả xét nghiệm âm tính, tiếp tục theo dõi sức khỏe theo quy định cho đến khi đủ 14 ngày;

- + Nếu kết quả xét nghiệm dương tính, cách ly ngay tại cơ sở y tế theo quy định.

- Phải thực hiện việc khai báo sức khỏe hàng ngày cho cán bộ y tế địa phương.

Nếu có các dấu hiệu sốt, ho, đau họng, khó thở, mệt mỏi, ớn lạnh, mất vị giác chuyển ngay đến cơ sở y tế để được hướng dẫn quản lý kịp thời theo quy định...

CHÍNH THỨC KÉO DÀI THỜI GIAN CÁCH LY TỪ 14 NGÀY LÊN 21 NGÀY

Ngày 05/5/2021, Bộ Y tế có Công điện số 600/CD-BCĐ về việc điều chỉnh thời gian cách ly tập trung, thời gian quản lý sau khi kết thúc cách ly tập trung và xét nghiệm phòng chống dịch COVID-19.

Theo đó, điều chỉnh thời gian cách ly tập trung, thời gian quản lý sau khi kết thúc cách ly tập trung và xét nghiệm phòng chống dịch COVID-19, cụ thể:

Tăng thời gian cách ly tập trung từ ít nhất 14 ngày lên ít nhất 21 ngày liên tục tại khu cách ly tập trung kể từ ngày vào khu cách ly hoặc tiếp xúc lần cuối với người nhiễm SARSCoV-2.

Tiến hành lấy mẫu xét nghiệm SARS-CoV-2 ít nhất 3 lần vào ngày đầu, ngày thứ 14 và ngày thứ 20 trong thời gian cách ly tập trung.

Giảm thời gian theo dõi sức khỏe tại nhà, nơi lưu trú từ 14 ngày xuống còn 07 ngày sau khi kết thúc cách ly tập trung và lấy mẫu xét nghiệm vào ngày thứ 7 (tính từ ngày kết thúc cách ly tập trung).

NGÂN HÀNG GIẢM LÃI CHO KHÁCH BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI COVID-19

Ngày 02/4/2021, Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư số 03/2021/TT-NHNN sửa đổi Thông tư số 01/2020/TT-NHNN quy định về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ để hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng dịch Covid-19.

Theo đó, miễn, giảm lãi cho khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 được quy định như sau:

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài miễn, giảm lãi, phí theo quy định nội bộ đối với số dư nợ của khoản nợ phát sinh trước ngày 10/6/2020 từ hoạt động cấp tín dụng (trừ hoạt động mua, đầu tư trái phiếu DN) mà:

+ Nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi đến hạn thanh toán trong khoảng thời gian từ ngày 23/01/2020 đến ngày 31/12/2021;

+ Khách hàng không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch Covid - 19.

Việc thực hiện miễn, giảm lãi, phí cho khách hàng theo quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-NHNN thực hiện đến ngày 31/12/2021.

Thông tư số 03/2021/TT-NHNN có hiệu lực từ ngày 17/5/2021.

THỰC HIỆN DÂN CHỦ TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ KHÁM CHỮA BỆNH CÔNG LẬP

Ngày 05/5/2021, Bộ Y tế ban hành Thông tư số 05/2021/TT-BYT quy định về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập.

Theo đó, việc thực hiện dân chủ trong các đơn vị nhằm mục đích:

- Phát huy quyền làm chủ của viên chức, người lao động trong đơn vị và nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị trong triển khai hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.
- Xây dựng đội ngũ viên chức, người lao động trong đơn vị đủ tiêu chuẩn năng lực, nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu phát triển và đổi mới của ngành Y tế.
- Phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi tham nhũng, lãng phí, quan liêu, phiền hà, sách nhiễu với người bệnh và người đại diện hợp pháp của người bệnh.
- Nâng cao ý thức chấp hành quy định của pháp luật và nội quy của đơn vị,...

Thông tư số 05/2021/TT-BYT có hiệu lực từ ngày 01/7/2021.

QUY ĐỊNH VỀ HỒ SƠ DỰ THI TỐT NGHIỆP THPT

Ngày 21/5/2021, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 1584/QĐ-BGDĐT công bố thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực thi, tuyển sinh.

Theo đó, quy định hồ sơ dự thi tốt nghiệp THPT đối với một số đối tượng như sau:

- Đối với người đã học xong chương trình THPT trong năm tổ chức kỳ thi, thành phần hồ sơ gồm:

- + 02 Phiếu đăng ký dự thi giống nhau;
- + Bản chính hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu (gọi chung là bản sao) học bạ THPT;
- + Các giấy chứng nhận hợp lệ để được hưởng chế độ ưu tiên, khuyến khích (nếu có);
- + Bản sao Sổ đăng ký hộ khẩu thường trú để được hưởng chế độ ưu tiên liên quan đến nơi đăng ký hộ khẩu thường trú;

+ 02 ảnh cỡ 4x6 cm;

- Đối với thí sinh đã tốt nghiệp THPT, hồ sơ đăng ký dự thi gồm:

- + 02 Phiếu đăng ký dự thi giống nhau;
- + Bằng tốt nghiệp THPT hoặc trung cấp (bản sao);
- + 02 ảnh cỡ 4x6 cm;
- + 02 phong bì đã dán sẵn tem và ghi rõ địa chỉ liên lạc của thí sinh.

Quyết định số 1584/QĐ-BGDĐT có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

KHÔNG TỔ CHỨC DẠY HỌC TRỰC TUYẾN ĐỐI VỚI TRẺ CẤP MẦM NON

Ngày 14/5/2021, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Công văn số 1983/BGDĐT-GDTrH về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện kế hoạch năm học 2020-2021.

Theo đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị UBND các tỉnh, thành phố chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ sau:

Đối với giáo dục mầm non, không tổ chức dạy học trực tuyến cho trẻ mà thực hiện việc hỗ trợ, hướng dẫn cha mẹ chăm sóc, giáo dục trẻ ở nhà;

Tập trung chỉ đạo hoàn thành chương trình năm học đối với học sinh lớp 1 để kịp thời tổ chức đánh giá 1 năm thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo hướng dẫn của Bộ GDĐT;

Tổ chức tốt cho học sinh lớp 12 ôn thi tốt nghiệp theo hướng kết hợp giữa dạy học trực tiếp và trực tuyến phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương, cơ sở giáo dục;

Đặc biệt quan tâm, động viên, hỗ trợ các học sinh thuộc đối tượng F1, F2 đang phải thực hiện cách li theo quy định được tham gia ôn thi bằng hình thức trực tuyến;

Rà soát, xác định rõ đối tượng học sinh và xây dựng kịch bản cụ thể để bảo đảm an toàn cho mọi đối tượng học sinh tham gia Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2021 trong điều kiện có dịch bệnh Covid-19.

Biểu mức thu phí trong chăn nuôi từ ngày 17/5/2021

Ngày 31/3/2021, Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 24/2021/TT-BTC về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi.

Theo đó, mức thu phí trong chăn nuôi được quy định tại Biểu mức thu phí trong chăn nuôi ban hành kèm theo Thông tư 24, áp dụng như sau:

- Áp dụng mức thu bằng 50% mức thu phí tại Biểu mức thu phí kể từ ngày 17/5/2021 đến hết ngày 31/12/2021.
- Áp dụng mức thu phí tại Biểu mức thu phí kể từ ngày 01/01/2022 trở đi.
- Miễn thu phí đối với các đối tượng là:
 - + Cá nhân thuộc hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng;
 - + Tổ chức, cá nhân ở các xã có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn khi đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện nội dung thu phí quy định tại Biểu mức thu phí trong chăn nuôi ban hành kèm theo Thông tư 24.

Thông tư số 24/2021/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 17/5/2021.

Công dân nhấn tin để tra cứu thông tin của mình trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

Ngày 29/3/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 37/2021/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 hướng dẫn Luật Căn cước công dân.

Theo đó, quy định công dân được khai thác thông tin của mình trong cơ sở dữ liệu quốc gia (CSDLQG) về dân cư bằng:

- Văn bản yêu cầu cung cấp thông tin; hoặc
- Thông qua dịch vụ nhấn tin, Cổng dịch vụ Công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an.

Sắp tới, theo quy định tại Nghị định này, Bộ Công an sẽ có hướng dẫn chi tiết về việc khai thác thông tin trong CSDLQG về dân cư của cá nhân).

Ngoài ra, Nghị định số 37/2021/NĐ-CP (có hiệu lực từ ngày 14/5/2021) cũng quy định về việc xử lý thông tin sai khác khi thu thập thông tin công dân từ nhiều nguồn như sau:

- Trường hợp thông tin về công dân được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau mà không thống nhất về nội dung thông tin thì:

Khi thu thập thông tin về công dân, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm phối hợp với cơ quan đăng ký hộ tịch, cơ quan có liên quan hoặc công dân để kiểm tra tính pháp lý của các thông tin đó và chịu trách nhiệm về nội dung thông tin.

- Các thông tin về công dân đã được thu thập, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phải được lưu trữ đầy đủ, thể hiện được quá trình lịch sử các lần cập nhật, thay đổi, điều chỉnh.

Nghị định số 37/2021/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 14/5/2021

CHỈ NỘP 1 LẦN GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN NỘP THUẾ CHO TOÀN BỘ THỜI GIAN

Ngày 20/4/2021, Tổng cục Thuế có Công điện số 05/CĐ-TCT yêu cầu khẩn trương triển khai Nghị định số 52/2021/NĐ-CP gia hạn thời hạn nộp thuế, tiền thuê đất năm 2021.

Theo đó, người nộp thuế thuộc đối tượng gia hạn gửi giấy đề nghị gia hạn 01 lần cho toàn bộ các kỳ của các sắc thuế được gia hạn cùng với thời điểm nộp hồ sơ khai thuế.

Thời hạn nộp giấy đề nghị gia hạn chậm nhất là ngày 30/7/2021.

Tại Nghị định số 52/2021 quy định thời gian gia hạn nộp thuế, tiền thuê đất năm 2021 như sau:

- Gia hạn 05 tháng đối với số thuế giá trị gia tăng từ tháng 3 đến tháng 6 năm 2021 và quý I, quý 2 năm 2021;
- Gia hạn 04 tháng đối với số thuế giá trị gia tăng tháng 7 năm 2021, gia hạn 03 tháng đối với số thuế giá trị gia tăng tháng 8 năm 2021;
- Gia hạn 03 tháng đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp quý I, quý II của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021;
- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân năm 2021 chậm nhất là ngày 31/12/2021;
- Gia hạn 06 tháng tiền thuê đất phải nộp kỳ đầu năm 2021.

TIÊU CHUẨN THẨM ĐỊNH GIÁ DOANH NGHIỆP ÁP DỤNG TỪ 01/7/2021

Ngày 27/4/2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 28/2021/TT-BTC ngày 07/4/2021 về tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 12 (Tiêu chuẩn thẩm định giá doanh nghiệp).

Theo đó, hướng dẫn xác định giá trị thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần như sau:

Khi áp dụng phương pháp tài sản theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 150/2020/NĐ-CP ngày 25/12/2020:

Giá trị thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập được xác định theo phương pháp xác định giá trị tài sản vô hình không xác định được nêu tại tiết a điểm 5.5 mục 5 Phần II của Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 12.

Đây là phương pháp ước tính tổng giá trị các tài sản vô hình của doanh nghiệp cần thẩm định giá thông qua việc ước tính giá trị của từng tài sản vô hình có thể xác định và giá trị của tài sản vô hình không xác định được (các tài sản vô hình còn lại).

Chỉ tiêu về thu nhập của đơn vị sự nghiệp công lập được xác định theo pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Thông tư số 28/2021/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01/7/2021 và thay thế Thông tư số 122/2017/TT-BTC ngày 15/11/2017.

PHƯƠNG PHÁP THANH TOÁN CHI PHÍ KHÁM CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ THEO ĐỊNH SUẤT

Ngày 29/4/2021, Bộ Y tế ban hành Thông tư số 04/2021/TT-BYT hướng dẫn thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh BHYT theo định suất.

Theo đó, Quỹ định suất là số tiền được xác định trước, giao cho cơ sở khám, chữa bệnh BHYT để khám, chữa bệnh ngoại trú cho người bệnh có BHYT trong phạm vi định suất, trong khoảng thời gian nhất định.

Thông tư quy định phạm vi định suất không bao gồm các chi phí khám bệnh, chữa bệnh của đối tượng, bệnh, nhóm bệnh, đơn cử như sau:

- Chi phí của các đối tượng có mã thẻ quân nhân (QN), cơ yếu (CY), công an (CA);
- Chi phí vận chuyển người bệnh có thẻ bảo hiểm y tế;
- Toàn bộ chi phí của lần khám bệnh, chữa bệnh BHYT có sử dụng dịch vụ kỹ thuật thận nhân tạo chu kỳ hoặc dịch vụ kỹ thuật lọc màng bụng hoặc dịch lọc màng bụng;
- Toàn bộ chi phí của lần khám bệnh, chữa bệnh BHYT có sử dụng thuốc chống thải ghép đối với người bệnh ghép tạng;
- Toàn bộ chi phí của lần khám bệnh, chữa bệnh BHYT có sử dụng thuốc điều trị viêm gan C của người bệnh bị bệnh viêm gan C;
- Toàn bộ chi phí của lần khám bệnh, chữa BHYT có sử dụng thuốc kháng HIV hoặc dịch vụ xét nghiệm tải lượng HIV của người bệnh có thẻ BHYT được chẩn đoán bệnh HIV...

Thông tư số 04/2021/TT-BYT có hiệu lực từ ngày 01/7/2021.

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC GIA HẠN THỜI HẠN NỘP THUẾ 2021

Ngày 19/4/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 52/2021/NĐ-CP gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2021.

Theo đó, Nghị định số 52/2021/NĐ-CP quy định các đối tượng được gia hạn như:

- Doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân hoạt động sản xuất trong các ngành kinh tế:

+ Hoạt động xuất bản; điện ảnh, sản xuất chương trình truyền hình, ghi âm và xuất bản âm nhạc;

+ Khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên (không gia hạn đối với thuế TNDN của dầu thô, condensate, khí thiên nhiên thu theo hiệp định, hợp đồng);

+ Sản xuất đồ uống; in, sao chép bản ghi các loại; sản xuất mô tô, xe máy;

+ Thoát nước và xử lý nước thải...

- Doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân hoạt động kinh doanh trong các ngành kinh tế:

+ Hoạt động phát thanh, truyền hình; lập trình máy vi tính, dịch vụ tư vấn và các hoạt động khác liên quan đến máy vi tính; hoạt động dịch vụ thông tin;

+ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng...

03 TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC MIỄN LỆ PHÍ CẤP HỘ CHIẾU TỪ 22/5/2021

Ngày 07/4/2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 25/2021/TT-BTC về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam.

Theo đó, quy định miễn lệ phí cấp hộ chiếu đối với trường hợp sau:

Người Việt Nam ở nước ngoài có quyết định trực xuất bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước sở tại nhưng không có hộ chiếu;

Người Việt Nam ở nước ngoài phải về nước theo điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận quốc tế về việc nhận trở lại công dân nhưng không có hộ chiếu;

Những trường hợp vì lý do nhân đạo.

(Hiện hành Thông tư số 219/2016/TT-BTC không có quy định về các trường hợp được miễn lệ phí cấp hộ chiếu)

Thông tư số 25/2021/TT-BTC có hiệu lực thi hành từ ngày 22/5/2021, thay thế Thông tư số 219/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 và Thông tư số 41/2020/TT-BTC ngày 18/5/2020.

TĂNG MỨC HỖ TRỢ HỌC NGHỀ VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

Ngày 31/3/2021, Thủ tướng ban hành Quyết định số 17/2021/QĐ-TTg quy định mức hỗ trợ học nghề đối với người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

Theo đó, người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp đủ điều kiện được hỗ trợ học nghề quy định tại Điều 55 Luật việc làm 2013 sẽ được hưởng hỗ trợ theo các mức sau đây:

- Đối với người tham gia khóa đào tạo nghề đến 03 tháng:

Mức hỗ trợ tính theo mức thu học phí của cơ sở đào tạo nghề nghiệp và thời gian học nghề thực tế nhưng tối đa không quá 4.500.000 đồng/người/khóa đào tạo.

- Đối với người tham gia khóa đào tạo nghề trên 03 tháng:

Mức hỗ trợ tính theo tháng, mức thu học phí và thời gian học nghề thực tế nhưng tối đa không quá 1.500.000 đồng/người/tháng.

(Hiện hành, Quyết định số 77/2014/QĐ-TTg quy định mức hỗ trợ tối đa 01 triệu đồng/người/tháng, không phân cụ thể theo thời gian đào tạo).

Lưu ý: Trường hợp NLĐ tham gia khóa đào tạo nghề có những ngày lễ không đủ tháng theo quy định của cơ sở đào tạo nghề nghiệp thì số ngày lễ được tính theo nguyên tắc:

- Từ 14 ngày trở xuống tính là 0,5 tháng.

- Từ 15 ngày trở lên tính là 01 tháng.

Quyết định số 17/2021/QĐ-TTg có hiệu lực từ ngày 15/5/2021.

TỪ NGÀY 01/7/2022, DÁN TEM ĐIỆN TỬ CHO THUỐC LÁ VÀ RƯỢU

Ngày 30/3/2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 23/2021/TT-BTC hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng tem điện tử rượu và tem điện tử thuốc lá.

Theo đó, từ ngày 01/7/2022, thuốc lá và rượu sẽ phải dán tem điện tử theo mẫu mới như sau:

- Mẫu tem điện tử thuốc lá sản xuất để tiêu thụ trong nước:
 - + Tem có kích thước 2,2 cm x 4,5 cm, chất liệu giấy, có hoa văn bóng nước chìm định lượng 65g/m²; trên tem có dấu hiệu nhận biết bằng mắt thường và có chứa các thông tin, dữ liệu điện tử.
 - + Trên tem có in dòng chữ TEM ĐIỆN TỬ THUỐC LÁ, có ký hiệu mẫu tem là TTL, có in mã vạch Qrcode; có ký tự để phân biệt các ký hiệu tem điện tử thuốc lá và năm in của tem.
- Mẫu tem điện tử rượu sản xuất để tiêu thụ trong nước:
 - + Tem có dấu hiệu nhận biết bằng mắt thường và có chứa các thông tin, dữ liệu điện tử được tra cứu trên cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.
 - + Tem có 02 loại dán vào chai rượu có độ cồn bằng hoặc lớn hơn 20^o và nhỏ hơn 20^o; cả 2 loại đều có kích thước 11cm x 1.3cm, in mã vạch Qrcode, năm in tem và ký tự để phân biệt các ký hiệu tem điện tử.

Thông tư số 23/2021/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 15/5/2021.

KINH DOANH KARAOKE QUÁ 12 GIỜ ĐÊM BỊ PHẠT ĐẾN 30 TRIỆU ĐỒNG

Ngày 29/3/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 38/2021/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá và quảng cáo.

Theo đó, phạt tiền từ 20 - 30 triệu đồng đối với tổ chức kinh doanh dịch vụ karaoke vi phạm một trong các hành vi sau:

Kinh doanh dịch vụ ngoài khoảng thời gian từ 8 giờ đến 24 giờ mỗi ngày;
Sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung làm thay đổi nội dung giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke.

Ngoài ra, nếu vi phạm một trong các hành vi sau thì mức phạt tiền là từ 30 - 40 triệu đồng:

Kinh doanh dịch vụ karaoke không bảo đảm diện tích theo quy định;
Đặt chốt cửa bên trong phòng hát;
Đặt thiết bị báo động, trừ các thiết bị báo cháy nổ tại địa điểm kinh doanh dịch vụ;
Không bảo đảm hình ảnh phù hợp với lời bài hát thể hiện trên màn hình (hoặc hình thức tương tự) hoặc với văn hoá, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam trong phòng hát;

Không điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh trong trường hợp thay đổi về số lượng phòng hoặc thay đổi chủ sở hữu.

Nghị định số 38/2021/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/6/2021.

PHÂN LOẠI SỨC KHỎE ĐỐI VỚI HẠ SĨ QUAN, BINH SĨ

Ngày 15/4/2021, Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư số 37/2021/TT-BQP quy định về phân loại, khám sức khỏe, phân cấp nhiệm vụ quản lý sức khỏe với quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng.

Theo đó, sức khỏe đối với hạ sĩ quan, binh sĩ được chia thành ba loại như sau:

- Sức khỏe loại 1 phải đáp ứng đủ ba yếu tố:
 - + Chỉ số khối cơ thể mức 1;
 - + Không có bệnh tật hoặc các bệnh nhẹ mức 1;
 - + Số ngày nghỉ ốm bệnh trong một năm không quá 15 ngày.
- Sức khỏe loại 2 khi có một trong các yếu tố:
 - + Chỉ số khối cơ thể mức 2;
 - + Bị mắc các bệnh tật mức 2 hoặc bệnh tật nhẹ đã ổn định;
 - + Sức làm việc bình thường, số ngày nghỉ ốm bệnh trong một năm từ 16 đến 30 ngày hoặc kết quả kiểm tra rèn luyện thể lực đạt yêu cầu.
- Sức khỏe loại 3 khi có một trong các yếu tố:
 - + Chỉ số khối cơ thể mức 3 hoặc mức 4;
 - + Bị mắc các bệnh tật mức 3 hoặc mức 4 hoặc bệnh nặng có biến chứng, di chứng ảnh hưởng chức năng cần được theo dõi, điều trị;
 - + Sức làm việc suy giảm rõ rệt: số ngày nghỉ ốm bệnh trong một năm trên 30 ngày, kết quả kiểm tra rèn luyện thể lực không đạt yêu cầu; hoặc suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên cần đề nghị giải quyết xuất ngũ theo quy định của Bộ Quốc phòng.

Thông tư số 37/2021/TT-BQP có hiệu lực từ ngày 29/05/2021.

ĐỐI TƯỢNG PHẢI THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Ngày 21/5/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 54/2021/NĐ-CP quy định về đánh giá sơ bộ tác động môi trường.

Theo đó, đối tượng phải thực hiện đánh giá sơ bộ tác động môi trường bao gồm dự án đầu tư thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Dự án đầu tư công (trừ các dự án đầu tư công khẩn cấp, dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, dự án thành phần thuộc dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch);
- Dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (dự án PPP);
- Dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;
- Dự án đầu tư thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trừ trường hợp cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo yêu cầu của nhà đầu tư.

Nghị định số 54/2021/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 21/5/2021.

Tìm hiểu một số quy định của *Luật bảo vệ môi trường*

Luật Bảo vệ môi trường được Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2020. Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

1. NGUYÊN TẮC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Bảo vệ môi trường là quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân.
- Bảo vệ môi trường là điều kiện, nền tảng, yếu tố trung tâm, tiên quyết cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Hoạt động bảo vệ môi trường phải gắn kết với phát triển kinh tế, quản lý tài nguyên và được xem xét, đánh giá trong quá trình thực hiện các hoạt động phát triển.
- Bảo vệ môi trường gắn kết hài hòa với an sinh xã hội, quyền trẻ em, bình đẳng giới, bảo đảm quyền mọi người được sống trong môi trường trong lành.
- Hoạt động bảo vệ môi trường phải được tiến hành thường xuyên, công khai, minh bạch; ưu tiên dự báo, phòng ngừa ô nhiễm, sự cố, suy thoái môi trường, quản lý rủi ro về môi trường, giảm thiểu phát sinh, chất thải, tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải để khai thác giá trị tài nguyên của chất thải.
- Bảo vệ môi trường phải phù hợp với quy luật, đặc điểm tự nhiên, văn hóa, lịch sử, cơ chế thị trường, trình độ phát triển kinh tế - xã hội; thúc đẩy phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.
- Cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân được hưởng lợi từ môi trường có nghĩa vụ đóng góp tài chính cho hoạt động bảo vệ môi trường; gây ô nhiễm, sự cố và suy thoái môi trường phải chi trả, bồi thường thiệt hại, khắc phục, xử lý và chịu trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.
- Hoạt động bảo vệ môi trường bảo đảm không gây phương hại chủ quyền, an ninh và lợi ích quốc gia, gắn liền với bảo vệ môi trường khu vực và toàn cầu.

2. CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân tham gia thực hiện, kiểm tra, giám sát hoạt động bảo vệ môi trường.
- Tuyên truyền, giáo dục kết hợp với biện pháp hành chính, kinh tế và biện pháp khác để tăng cường việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường.
- Chú trọng bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; khai thác, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; phát triển năng lượng sạch và năng lượng tái tạo; phát triển hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường.
- Ưu tiên xử lý ô nhiễm môi trường, phục hồi hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, chú trọng bảo vệ môi trường khu dân cư.
- Đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường; bố trí khoản chi riêng cho bảo vệ môi trường trong ngân sách nhà nước với tỷ lệ tăng dần theo khả năng của ngân sách nhà nước và yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ môi trường; ưu tiên nguồn kinh phí cho các nhiệm vụ trọng điểm về bảo vệ môi trường.
- Bảo đảm quyền lợi của tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân đóng góp cho hoạt động bảo vệ môi trường; ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường; thúc đẩy sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường.
- Tăng cường nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ xử lý ô nhiễm, tái chế, xử lý chất thải; ưu tiên chuyển giao và áp dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện môi trường, kỹ thuật hiện có tốt nhất; tăng cường đào tạo nguồn nhân lực về bảo vệ môi trường.
- Tôn vinh, khen thưởng cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân có đóng góp tích cực trong hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.
- Mở rộng, tăng cường hội nhập, hợp tác quốc tế, và thực hiện cam kết quốc tế về bảo vệ môi trường.
- Thực hiện sàng lọc dự án đầu tư theo tiêu chí về môi trường; áp dụng công cụ quản lý môi trường phù hợp theo từng giai đoạn của chiến lược, quy hoạch, chương trình và dự án đầu tư.
- Lồng ghép, thúc đẩy các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong xây dựng và thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

3. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NƠI CÔNG CỘNG

- Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm thực hiện quy định về bảo vệ môi trường và giữ gìn vệ sinh nơi công cộng; phân loại, chuyển rác thải vào từng loại thùng chứa rác công cộng hoặc đúng nơi quy định tập trung rác thải; không để vật nuôi gây mất vệ sinh nơi công cộng.

- Tổ chức, cá nhân quản lý công viên, khu vui chơi, giải trí, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, chợ, nhà ga, bến xe, bến tàu, bến cảng, bến phà và khu vực công cộng khác có trách nhiệm sau đây:

+ Bố trí nhân lực thu gom chất thải, làm vệ sinh môi trường trong phạm vi quản lý; có nhân sự, tổ hoặc đội bảo vệ môi trường để kiểm tra, giám sát;

+ Xây dựng, lắp đặt công trình vệ sinh công cộng, công trình xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; có phương tiện, thiết bị thu gom, quản lý, xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường;

+ Ban hành, niêm yết công khai và tổ chức thực hiện quy định, quy chế về giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường nơi công cộng thuộc phạm vi quản lý;

+ Phát hiện kịp thời vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân và kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp giấy phép xây dựng đối với đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này theo quy định của pháp luật về xây dựng có trách nhiệm lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường về công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ, thiết bị thu gom và lưu chứa tạm thời chất thải trong quá trình thẩm định, cấp giấy phép xây dựng theo quy định của Chính phủ.

4. TRÁCH NHIỆM CỦA HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm sau đây:

+ Giảm thiểu, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, thu gom và chuyển rác thải sinh hoạt đã được phân loại đến đúng nơi quy định;

+ Giảm thiểu, xử lý và xả nước thải sinh hoạt đúng nơi quy định; không để vật nuôi gây mất vệ sinh trong khu dân cư;

+ Không phát tán khí thải, gây tiếng ồn, độ rung và tác động khác gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng xấu đến cộng đồng dân cư xung quanh;

+ Chi trả kinh phí dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định của pháp luật;

+ Tham gia hoạt động bảo vệ môi trường tại cộng đồng dân cư;

+ Có công trình vệ sinh theo quy định. Trường hợp chưa có công trình, thiết bị xử lý nước thải, khi xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở riêng lẻ tại đô thị, khu dân cư tập trung, phải xây lắp công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định.

- Chuồng trại chăn nuôi quy mô hộ gia đình phải bảo đảm vệ sinh, không gây ô nhiễm tiếng ồn, phát tán mùi khó chịu; chất thải từ hoạt động chăn nuôi phải được thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp giấy phép xây dựng đối với công trình xây dựng, nhà ở của hộ gia đình, cá nhân ở đô thị theo quy định của pháp luật về xây dựng có trách nhiệm thẩm định, cấp giấy phép xây dựng trong đó bao gồm công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

5. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

- Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh và sử dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, phân bón trong sản xuất nông nghiệp phải thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y có độc tính cao, bền vững, lan truyền, tích tụ trong môi trường, tác động xấu đến môi trường và sức khỏe con người phải được đăng ký, kiểm kê, kiểm soát, quản lý thông tin, đánh giá, quản lý rủi ro và xử lý theo quy định của pháp luật.

- Phân bón, sản phẩm xử lý môi trường chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đã hết hạn sử dụng phải được quản lý theo quy định của pháp luật có liên quan. Bao bì đựng phân bón, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, sản phẩm xử lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản, sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi sau khi sử dụng, bùn đất và thức ăn lắng đọng khi làm vệ sinh trong ao nuôi thủy sản phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải. Bùn nạo vét từ kênh, mương, công trình thủy lợi phải được thu gom, tái sử dụng, tái chế và quản lý theo quy định của pháp luật. Xác vật nuôi bị chết do dịch bệnh phải được thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại và vệ sinh phòng bệnh.

- Phụ phẩm nông nghiệp phải được thu gom để sản xuất ra sản phẩm hàng hóa, sử dụng làm nguyên liệu, nhiên liệu, sản xuất phân bón, sản xuất năng lượng hoặc phải được xử lý theo quy định; không đốt ngoài trời phụ phẩm từ cây trồng gây ô nhiễm môi trường.

- Việc sử dụng chất thải từ hoạt động chăn nuôi để làm phân bón hữu cơ, nước tưới cây hoặc mục đích khác phải thực hiện theo quy định của Chính phủ.

- Nhà nước có chính sách khuyến khích đổi mới mô hình, phương pháp sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, tiết kiệm nước, hạn chế sử dụng phân bón vô cơ, thuốc bảo vệ thực vật hóa học và sản phẩm xử lý môi trường trong nông nghiệp; phát triển mô hình nông nghiệp thân thiện môi trường.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức quản lý bùn nạo vét từ kênh, mương và công trình thủy lợi đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

6. CÁC HÀNH VI BỊ NGHIÊM CẤM TRONG HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Vận chuyển, chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn, chất thải nguy hại không đúng quy trình kỹ thuật, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Xả nước thải, xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường ra môi trường.

- Phát tán, thải ra môi trường chất độc hại, vi rút độc hại có khả năng lây nhiễm cho con người, động vật, vi sinh vật chưa được kiểm định, xác súc vật chết do dịch bệnh và tác nhân độc hại khác đối với sức khỏe con người, sinh vật và tự nhiên.

- Gây tiếng ồn, độ rung vượt mức cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường; xả thải khói, bụi, khí có mùi độc hại vào không khí.

- Thực hiện dự án đầu tư hoặc xả thải khi chưa đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, quá cảnh chất thải từ nước ngoài dưới mọi hình thức.

- Nhập khẩu trái phép phương tiện, máy móc, thiết bị đã qua sử dụng để phá dỡ, tái chế.

- Không thực hiện công trình, biện pháp, hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Che giấu, hành vi gây ô nhiễm môi trường, cản trở, làm sai lệch, thông tin, gian dối trong hoạt động bảo vệ môi trường dẫn đến hậu quả xấu đối với môi trường.

- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm gây nguy hại cho sức khỏe con người, sinh vật và tự nhiên; sản xuất, sử dụng nguyên liệu, vật liệu xây dựng chứa yếu tố độc hại vượt mức cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Sản xuất, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất và tiêu thụ chất làm suy giảm tầng ô-dôn theo quy định của điều ước quốc tế về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Phá hoại, xâm chiếm trái phép di sản thiên nhiên.

- Phá hoại, xâm chiếm công trình, thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường.

- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để làm trái quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Hỏi - Đáp pháp luật về bảo vệ môi trường



Nhà bà N có thuê quyền sử dụng mặt nước 400 m² để thả cá. Gia đình ông H và ông M nuôi lợn công nghiệp đã xả chất thải và phân lợn chưa qua xử lý xuống ao nuôi cá của bà N, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, làm cá chết hàng loạt. Đề nghị cho biết, bà N có quyền yêu cầu 02 hộ gia đình ông H và ông M bồi thường toàn bộ thiệt hại không?

Trả lời:

Điều 61 Luật bảo vệ môi trường năm 2020 quy định về việc bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp như sau:

- Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh và sử dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, phân bón trong sản xuất nông nghiệp phải thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan.
- Hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y có độc tính cao, bền vững, lan truyền, tích tụ trong môi trường, tác động xấu đến môi trường và sức khỏe con người phải được đăng ký, kiểm kê, kiểm soát, quản lý thông tin, đánh giá, quản lý rủi ro và xử lý theo quy định của pháp luật.
- Phân bón, sản phẩm xử lý môi trường chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đã hết hạn sử dụng phải được quản lý theo quy định của pháp luật có liên quan. Bao bì đựng phân bón, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, sản phẩm xử lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản, sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi sau khi sử dụng, bùn đất và thức ăn lắng đọng khi làm vệ sinh trong ao nuôi thủy sản phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải. Bùn nạo vét từ kênh, mương, công trình thủy lợi phải được thu gom, tái sử dụng, tái chế và quản lý theo quy định của pháp luật. Xác vật nuôi bị chết do dịch bệnh phải được thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại và vệ sinh phòng bệnh.

- Phụ phẩm nông nghiệp phải được thu gom để sản xuất ra sản phẩm hàng hóa, sử dụng làm nguyên liệu, nhiên liệu, sản xuất phân bón, sản xuất năng lượng hoặc phải được xử lý theo quy định; không đốt ngoài trời phụ phẩm từ cây trồng gây ô nhiễm môi trường.

- Việc sử dụng chất thải từ hoạt động chăn nuôi để làm phân bón hữu cơ, nước tưới cây hoặc mục đích khác phải thực hiện theo quy định của Chính phủ.

- Nhà nước có chính sách khuyến khích đổi mới mô hình, phương pháp sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, tiết kiệm nước, hạn chế sử dụng phân bón vô cơ, thuốc bảo vệ thực vật hóa học và sản phẩm xử lý môi trường trong nông nghiệp; phát triển mô hình nông nghiệp thân thiện môi trường.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức quản lý bùn nạo vét từ kênh, mương và công trình thủy lợi đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Kho Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức quản lý bùn nạo vét từ kênh, mương và công trình thủy lợi đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Như vậy, việc 02 hộ gia đình ông H và ông M xả chất thải (phân lợn chưa qua xử lý) xuống sông, gây ô nhiễm môi trường là vi phạm Luật Bảo vệ môi trường.

Hành vi nêu trên đã gây thiệt hại cho gia đình bà N, nên 02 hộ gia đình ông H và ông M phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Việc xác định thiệt hại và bồi thường thiệt hại đối với tài sản và lợi ích hợp pháp của gia đình bà N do hậu quả của môi trường sông bị ô nhiễm được thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự.





Thời gian tới, nhóm bạn chúng tôi dự định hùn vốn đầu tư nhà máy sản xuất bao bì. Tôi muốn biết, tiêu chí về môi trường để phân loại dự án đầu tư được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Vấn đề bạn hỏi được quy định tại Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, cụ thể như sau:

1. Tiêu chí về môi trường để phân loại dự án đầu tư bao gồm:
 - a) Quy mô, công suất, loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;
 - b) Diện tích sử dụng đất, đất có mặt nước, khu vực biển; quy mô khai thác tài nguyên thiên nhiên;
 - c) Yếu tố nhạy cảm về môi trường gồm khu dân cư tập trung; nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, thủy sản; các loại rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp; di sản văn hóa vật thể, di sản thiên nhiên khác; đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên; vùng đất ngập nước quan trọng; yêu cầu di dân, tái định cư và yếu tố nhạy cảm khác về môi trường.
2. Căn cứ tiêu chí về môi trường quy định nêu trên, dự án đầu tư được phân thành nhóm I, II, III và IV.
3. Dự án đầu tư nhóm I là dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao, bao gồm:
 - a) Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với quy mô, công suất lớn; dự án thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại; dự án có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất;
 - b) Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với quy mô, công suất trung bình nhưng có yếu tố nhạy cảm về môi trường; dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với quy mô, công suất lớn nhưng có yếu tố nhạy cảm về môi trường;
 - c) Dự án sử dụng đất, đất có mặt nước, khu vực biển với quy mô lớn hoặc với quy mô trung bình nhưng có yếu tố nhạy cảm về môi trường;
 - d) Dự án khai thác khoáng sản, tài nguyên nước với quy mô, công suất lớn hoặc với quy mô, công suất trung bình nhưng có yếu tố nhạy cảm về môi trường;
 - đ) Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất quy mô trung bình trở lên nhưng có yếu tố nhạy cảm về môi trường;
 - e) Dự án có yêu cầu di dân, tái định cư với quy mô lớn.
4. Dự án đầu tư nhóm II là dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường,

trừ dự án quy định tại khoản 3 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, bao gồm:

- a) Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với quy mô, công suất trung bình;
- b) Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với quy mô, công suất nhỏ nhưng có yếu tố nhạy cảm về môi trường; dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với quy mô, công suất trung bình nhưng có yếu tố nhạy cảm về môi trường;
- c) Dự án sử dụng đất, đất có mặt nước, khu vực biển với quy mô trung bình hoặc với quy mô nhỏ nhưng có yếu tố nhạy cảm về môi trường;
- d) Dự án khai thác khoáng sản, tài nguyên nước với quy mô, công suất trung bình hoặc với quy mô, công suất nhỏ nhưng có yếu tố nhạy cảm về môi trường;
- đ) Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất với quy mô nhỏ nhưng có yếu tố nhạy cảm về môi trường;
- e) Dự án có yêu cầu di dân, tái định cư với quy mô trung bình.

5. Dự án đầu tư nhóm III là dự án ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường, trừ dự án quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, bao gồm:

- a) Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với quy mô, công suất nhỏ;
- b) Dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường có phát sinh nước thải, bụi, khí thải phải được xử lý hoặc có phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải.

6. Dự án đầu tư nhóm IV là dự án không có nguy cơ tác động xấu đến môi trường, gồm dự án không thuộc quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.





Qua nhiều kênh thông tin khác nhau tôi được biết, thời gian tới, trên địa bàn xã tôi sẽ có một số dự án đầu tư phải thực hiện đánh giá tác động môi trường. Xin hỏi, những người dân chịu tác động trực tiếp bởi các dự án trên có được tham vấn khi thực hiện đánh giá tác động môi trường không?

Trả lời:

Có, trừ các dự án đầu tư thuộc danh mục bí mật nhà nước không phải thực hiện tham vấn.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì đối tượng được tham vấn bao gồm:

- a) Cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp bởi dự án đầu tư;
- b) Cơ quan, tổ chức có liên quan trực tiếp đến dự án đầu tư.

Cũng tại khoản 3,4 Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định nội dung tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường bao gồm:

- a) Vị trí thực hiện dự án đầu tư;
- b) Tác động môi trường của dự án đầu tư;
- c) Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường;
- d) Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường;
- đ) Các nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư.

Việc tham vấn được thực hiện thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử và một hoặc các hình thức sau đây:

- (i) Tổ chức họp lấy ý kiến;
- (ii) Lấy ý kiến bằng văn bản.





Chúng tôi dự kiến đầu tư thực hiện Dự án tại xã X, huyện B, nếu đi vào vận hành chỉ phát sinh chất thải với khối lượng nhỏ. Vậy xin hỏi, chúng tôi có phải đăng ký môi trường không?

Trả lời:

Tại Điều 49 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định đối tượng phải đăng ký môi trường bao gồm:

a) Dự án đầu tư có phát sinh chất thải không thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường;

b) Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực thi hành có phát sinh chất thải không thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường.

Đối tượng quy định nêu trên được miễn đăng ký môi trường, bao gồm:

- Dự án đầu tư, cơ sở thuộc bí mật nhà nước về quốc phòng, an ninh;
- Dự án đầu tư khi đi vào vận hành và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không phát sinh chất thải hoặc chỉ phát sinh chất thải với khối lượng nhỏ, được xử lý bằng công trình xử lý tại chỗ hoặc được quản lý theo quy định của chính quyền địa phương;
- Đối tượng khác.

Đối chiếu với quy định trên của pháp luật, dự án của ông/bà đầu tư không thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường nhưng ông/bà phải xử lý chất thải tại chỗ hoặc quản lý theo quy định của địa phương.





Cơ sở gia công các sản phẩm nhựa của gia đình ông A không sử dụng bất kỳ phương pháp chống ồn, chống ô nhiễm môi trường. Hằng ngày tiếng ồn từ máy xay nhựa, máy ép, máy dập với âm thanh rất lớn, bụi nhựa bay ra không khí, làm ảnh hưởng tới cuộc sống của các hộ gia đình trong khu vực. Đề nghị cho biết, pháp luật quy định cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có trách nhiệm bảo vệ môi trường như thế nào?

Trả lời:

Vấn đề ông/bà hỏi được quy định tại Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Theo đó, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có trách nhiệm sau đây:

- Thu gom, xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường. Trường hợp cơ sở hoạt động trong cụm công nghiệp, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung hoặc trong khu đô thị, khu dân cư tập trung đã có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung, chủ cơ sở phải thực hiện việc đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung theo quy định của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung đó, trừ trường hợp cơ sở đã được miễn trừ đấu nối nước thải trước ngày Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực thi hành;

- Cơ sở hoạt động trong cụm công nghiệp, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung đang xả nước thải sau xử lý vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 51 và điểm đ khoản 3 Điều 52 của Luật Bảo vệ môi trường;

- Thu gom, phân loại, lưu giữ, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải theo quy định của Luật này;

- Giảm thiểu, thu gom, xử lý bụi, khí thải, mùi khó chịu; bảo đảm không để rò rỉ, phát tán khí độc hại ra môi trường; kiểm soát tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ nhiệt;

- Bảo đảm nguồn lực, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường;

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 111 và khoản 2 Điều 112 của Luật Bảo vệ môi trường phải bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp; phải có hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14001 được chứng nhận;

- Thực hiện quan trắc nước thải, bụi, khí thải theo quy định của Luật này.

Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng thuộc các trường hợp sau đây phải có khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư:

- Có chất dễ cháy, dễ nổ;
- Có chất phóng xạ, chất thải phóng xạ hoặc thiết bị bức xạ;
- Có chất độc hại đối với người và sinh vật;
- Có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn tác động xấu đến sức khỏe con người;
- Có nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước.

Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình, cá nhân có phát sinh nước thải, khí thải phải có công trình, thiết bị xử lý chất thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường hoặc theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.



Công ty môi trường X đã có biển cấm đổ rác nhưng một số người dân vẫn vứt rác thải xuống dọc đường dân sinh cạnh vườn hoa dưới chân cầu gây mất mỹ quan, ảnh hưởng môi trường. Vậy pháp luật có quy định về việc bảo vệ môi trường (BVMT) nơi công cộng như thế nào? Người vứt rác không đúng địa điểm có bị phạt không?

Trả lời:

Điều 59 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định:

- Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm thực hiện quy định về bảo vệ môi trường và giữ gìn vệ sinh nơi công cộng; phân loại, chuyển rác thải vào từng loại thùng chứa rác công cộng hoặc đúng nơi quy định tập trung rác thải; không để vật nuôi gây mất vệ sinh nơi công cộng.

- Tổ chức, cá nhân quản lý công viên, khu vui chơi, giải trí, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, chợ, nhà ga, bến xe, bến tàu, bến cảng, bến phà và khu vực công cộng khác có trách nhiệm sau đây:

+ Bố trí nhân lực thu gom chất thải, làm vệ sinh môi trường trong phạm vi quản lý; có nhân sự, tổ hoặc đội bảo vệ môi trường để kiểm tra, giám sát;

+ Xây dựng, lắp đặt công trình vệ sinh công cộng, công trình xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; có phương tiện, thiết bị thu gom, quản lý, xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường;

+ Ban hành, niêm yết công khai và tổ chức thực hiện quy định, quy chế về giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường nơi công cộng thuộc phạm vi quản lý;

+ Phát hiện kịp thời vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân và kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Theo đó, hành vi đổ rác thải xây dựng của một số người dân thiếu ý thức như trong tình huống nêu trên là vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Hành vi xuống dốc đường dân sinh, cạnh vườn hoa như tình huống ông/bà nêu sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 20 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, quy định: Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi vứt, thải rác thải sinh hoạt trên vỉa hè, đường phố hoặc vào hệ thống thoát nước thải đô thị hoặc hệ thống thoát nước mặt trong khu vực đô thị.



Ông A kinh doanh vật liệu xây dựng. Xe tải chở cát, sỏi của ông A thường không được che chắn cẩn thận nên rơi vãi vật liệu ra đường. Hỏi hành vi của ông A bị xử phạt như thế nào?

Trả lời:

Hành vi của ông A bị xử phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường: Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi điều khiển phương tiện vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa không che chắn hoặc để rơi vãi ra môi trường trong khi tham gia giao thông.



THÔNG TIN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT MỚI

1. Nghị định

- Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư (có hiệu lực từ ngày 26/3/2021)

- Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở (có hiệu lực từ ngày 26/3/2021)

- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư (có hiệu lực từ ngày 26/3/2021)

- Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (có hiệu lực từ ngày 29/3/2021)

- Nghị định số 37/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân (có hiệu lực từ ngày 14/5/2021)

- Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo (có hiệu lực từ ngày 01/6/2021)

- Nghị định số 39/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ quy định các mục tiêu quan trọng về chính trị, kinh tế, ngoại giao, khoa học - kỹ thuật, văn hóa, xã hội do lực lượng cảnh sát nhân dân có trách nhiệm vũ trang canh gác bảo vệ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức có liên quan (có hiệu lực từ ngày 15/5/2021)

- Nghị định số 40/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2014/

NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” (có hiệu lực từ ngày 15/5/2021)

- Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (có hiệu lực từ ngày 15/5/2021)

- Nghị định số 42/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định việc xây dựng công an xã, thị trấn chính quy (có hiệu lực từ ngày 16/5/2021)

- Nghị định số 43/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm (có hiệu lực từ ngày 01/6/2021)

- Nghị định số 44/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19 (có hiệu lực từ ngày 31/3/2021)

- Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã (có hiệu lực từ ngày 15/5/2021)

- Nghị định số 46/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ về chế độ quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với ngân hàng phát triển Việt Nam (có hiệu lực từ ngày 01/6/2021)

- Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 04 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp (có hiệu lực từ ngày 01/4/2021)

- Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 04 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội (có hiệu lực từ ngày 01/4/2021)

- Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 04 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-

CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng (có hiệu lực từ ngày 01/4/2021)

- Nghị định số 51/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 04 năm 2021 của Chính phủ về quản lý khoáng sản tại các khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia (có hiệu lực từ ngày 01/4/2021)

- Nghị định số 52/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 04 năm 2021 của Chính phủ về gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2021 (có hiệu lực từ ngày 19/4/2021)

2. Thông tư

- Thông tư số 02/2021/TT-TTCP ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Thanh tra Chính phủ quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng (có hiệu lực từ ngày 10/5/2021)

- Thông tư số 22/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về việc thành lập, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế hoạt động của Hội đồng giám sát xổ số (có hiệu lực từ ngày 15/5/2021)

- Thông tư số 23/2021/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng tem điện tử rượu và tem điện tử thuốc lá (có hiệu lực từ ngày 15/5/2021)

- Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên (có hiệu lực từ ngày 16/5/2021)

- Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi (có hiệu lực từ ngày 17/5/2021)

- Thông tư số 01/2021/TT-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Bộ Công thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2016/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương (có hiệu lực từ ngày 20/5/2021)

- Thông tư số 01/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Ngân

hàng Nhà nước Việt Nam quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (có hiệu lực từ ngày 17/5/2021)

- Thông tư số 02/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn giao dịch ngoại tệ trên thị trường ngoại tệ của các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối (có hiệu lực từ ngày 17/5/2021)

- Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 (có hiệu lực từ ngày 17/5/2021)

- Thông tư số 10/2021/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm giáo dục thường xuyên (có hiệu lực từ ngày 22/5/2021)

- Thông tư số 04/2021/TT-NHNN ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tái cấp vốn đối với tổ chức tín dụng sau khi tổ chức tín dụng cho Tổng công ty hàng không Việt Nam - CTCP vay và việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ, trích lập dự phòng rủi ro đối với khoản nợ của tổng công ty hàng không Việt Nam - CTCP do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 (có hiệu lực từ ngày 17/5/2021)

- Thông tư số 11/2021/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình và thực hiện bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp có nguyện vọng trở thành giáo viên tiểu học (có hiệu lực từ ngày 05/4/2021)

- Thông tư số 12/2021/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình và thực hiện bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp có nguyện vọng trở thành giáo viên trung học cơ sở, trung học phổ thông (có hiệu lực từ ngày 22/5/2021)

- Thông tư số 06/2021/TT-BGTVT ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Bộ

Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải mức 5 đối với xe ô tô sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới (có hiệu lực từ ngày 01/01/2022)

- Thông tư số 07/2021/TT-BGTVT ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Bộ Giao thông vận tải quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực giao thông vận tải (có hiệu lực từ ngày 01/06/2021)

- Thông tư số 25/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam (có hiệu lực từ ngày 22/5/2021)

- Thông tư số 26/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn công tác kế toán khi thực hiện chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần (có hiệu lực từ ngày 01/6/2021)

- Thông tư số 13/2021/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam (có hiệu lực từ ngày 01/06/2021)

- Thông tư số 27/2021/TT-BTC ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 19/2014/TT-BTC ngày 11 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, tiêu hủy, chuyển nhượng xe ô tô, xe hai bánh gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam (có hiệu lực từ ngày 02/06/2022)

- Thông tư số 28/2021/TT-BTC ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài chính ban hành tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 12 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2021)

- Thông tư số 44/2021/TT-BCA ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Bộ Công an quy định về thực hiện dân chủ trong tuyển sinh vào công an nhân dân (có hiệu lực từ ngày 16/6/2021)

- Thông tư số 29/2021/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí thẩm định sách giáo khoa giáo dục phổ thông (có hiệu lực từ ngày 15/6/2021)

- Thông tư số 04/2021/TT-BYT ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Bộ

Y tế hướng dẫn thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo định suất (có hiệu lực từ ngày 01/07/2021)

- Thông tư số 03/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn nội dung chi tiết phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; lập và phê duyệt phương án sử dụng đất đối với đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần (có hiệu lực từ ngày 28/06/2021)

3. Quyết định

- Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu (có hiệu lực từ ngày 10/5/2021)

- Quyết định số 14/2021/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 53/2013/QĐ-TTg ngày 13 tháng 9 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, tiêu hủy, chuyển nhượng đối với xe ô tô, xe hai bánh gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam (có hiệu lực từ ngày 15/5/2021)

- Quyết định số 16/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về đấu giá, chuyển nhượng quyền sử dụng kho số viễn thông, tên miền Internet (có hiệu lực từ ngày 01/6/2021)

- Quyết định số 17/2021/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định mức hỗ trợ học nghề đối với người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp (có hiệu lực từ ngày 15/5/2021)

- Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai (có hiệu lực từ ngày 01/7/2021)

4. Văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành

- Quyết định số 08/2021/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Quy chế quản lý kinh phí khuyến công và mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công (có hiệu lực từ ngày 12/4/2021)

Một số quy định về

XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19

Hành vi không tổ chức việc thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống dịch bệnh Covid-19 cho người lao động theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền (Quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế).

Mức phạt: Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 2.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức).



Hành vi đưa tin sai sự thật về tình hình dịch bệnh Covid-19:

Hành vi đưa tin không chính xác về tình hình dịch bệnh Covid-19 sau khi công bố dịch hoặc công bố hết dịch theo nội dung do cơ quan nhà nước có thẩm quyền về y tế cung cấp (Quy định tại điểm a khoản 3 và điểm a khoản 4 điều 5 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế).

- Mức phạt: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức).

- Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc cải chính thông tin sai sự thật trên phương tiện thông tin đại chúng trên địa bàn đã đưa tin trước đó liên tục trong 03 ngày theo quy định của pháp luật.

Hành vi cung cấp, chia sẻ thông tin sai sự thật; xuyên tạc, vu khống xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức và danh dự, nhân phẩm của cá nhân liên quan đến phòng, chống dịch Covid-19 (Quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 3 điều 101 Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của

Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử).

- Mức phạt: Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức)
- Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc gỡ bỏ thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn hoặc thông tin vi phạm pháp luật.



Hành vi vứt khẩu trang, các chất, vật dụng đã sử dụng không đúng nơi quy định có khả năng làm lây lan dịch bệnh Covid-19 (Quy định tại khoản 1 điều 6 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế).

Mức phạt: Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng.

Hành vi không thực hiện xét nghiệm theo yêu cầu của cơ quan y tế có thẩm quyền trong quá trình thực hiện giám sát dịch bệnh Covid-19 (Quy định tại điểm a khoản 2 điều 7 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế).

Mức phạt: Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.



Hành vi che giấu, không khai báo hoặc khai báo không kịp thời hiện trạng của bản thân hoặc của người khác mắc dịch bệnh Covid-19 (Quy định tại điểm a khoản 3 điều 7 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế).

Mức phạt: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.



Hành vi từ chối hoặc trốn tránh việc áp dụng quyết định cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với người mắc bệnh Covid-19 (Quy định tại điểm b khoản 2 và khoản 3 điều 11 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế).

- Mức phạt: Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.
- Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện việc cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế.



Hành vi không thực hiện đeo khẩu trang nơi công cộng hoặc ra đường thuộc diện không cần thiết (Quy định tại điểm a khoản 1 điều 12 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế).

Mức phạt: Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.



Hành vi không thực hiện quyết định áp dụng biện pháp tạm đình chỉ hoạt động của cơ sở dịch vụ ăn uống công cộng có nguy cơ làm lây truyền dịch bệnh Covid-19 (Quy định tại điểm a khoản 3 điều 12 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế).

Mức phạt: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tổ chức).

Hành vi không thực hiện quyết định áp dụng biện pháp hạn chế tập trung đông người hoặc tạm đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ tại nơi công cộng để phòng, chống dịch bệnh Covid-19 (Quy định tại điểm c khoản 3 điều 12 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế).

Mức phạt: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tổ chức).

Hành vi không thực hiện quyết định cấm tập trung đông người tại vùng đã được ban bố tình trạng khẩn cấp dịch bệnh Covid-19 (Quy định tại điểm b khoản 5 điều 12 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế).

- Mức phạt: Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng; trường hợp vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng. (đối với tổ chức, phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng; trường hợp vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng).



Hành vi không niêm yết giá hàng hóa, dịch vụ liên quan đến phòng, chống dịch bệnh Covid-19 tại địa điểm phải niêm yết giá theo quy định của pháp luật hoặc niêm yết giá không đúng quy định, không rõ ràng gây nhầm lẫn cho khách hàng (Quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 điều 12 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP).

- Mức phạt: Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng; trường hợp vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng. (đối với tổ chức, phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng; trường hợp vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng).



Hành vi bán cao hơn giá niêm yết hàng hóa, dịch vụ liên quan đến phòng, chống dịch bệnh Covid-19 do tổ chức, cá nhân định giá không thuộc Danh mục bình ổn giá, hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hạn chế kinh doanh hoặc kinh doanh có điều kiện (Quy định tại khoản 3 và 7 điều 12 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí).

- Mức phạt: Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức)

- Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc trả lại cho khách hàng số tiền đã thu cao hơn giá niêm yết, trường hợp không xác định được khách hàng để trả lại thì nộp vào ngân sách nhà nước.

Hành vi giúp đỡ, chứa chấp, che giấu, tạo điều kiện cho người nước ngoài vào Việt Nam, ở lại Việt Nam hoặc qua lại biên giới quốc gia trái phép (Quy định tại điểm a khoản 5 và khoản 9 điều 17 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình).

- Mức phạt: Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức). Người nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính, thì tùy theo mức độ vi phạm có thể còn bị áp dụng hình thức xử phạt trục xuất khỏi nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Hành vi giúp đỡ, chứa chấp, che giấu, tạo điều kiện cho người nước ngoài vào Việt Nam, ở lại Việt Nam hoặc qua lại biên giới quốc gia trái phép (Quy định tại điểm a khoản 5 và khoản 9 điều 17 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình).

- Mức phạt: Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức). Người nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính, thì tùy theo mức độ vi phạm có thể còn bị áp dụng hình thức xử phạt trục xuất khỏi nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.



Hành vi cản trở, chống lại người thi hành công vụ phòng, chống dịch bệnh Covid-19

a. Hành vi cản trở hoặc không chấp hành; xúi giục, lôi kéo hoặc kích động người khác không chấp hành yêu cầu thanh tra, kiểm tra, kiểm soát hoặc có lời nói, hành động đe dọa, lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người thi hành công vụ phòng, chống dịch bệnh Covid-19 (Quy định tại Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình).

- Mức phạt: Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức).

b. Hành vi dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực để chống người thi hành công vụ; gây thiệt hại về tài sản, phương tiện của cơ quan nhà nước, của người thi hành công vụ phòng, chống dịch bệnh Covid-19 mà chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự (Quy định tại điểm a, b khoản 3 điều 20 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình).

- Mức phạt: Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức).

CHUNG SỐNG AN TOÀN VỚI ĐẠI DỊCH COVID-19



Hãy giữ an toàn cho Bạn và Chúng ta trước Đại dịch COVID-19



#BYT_nCoV
#ICT_anti_nCoV



TTXVN
Vietnam News Agency

<https://infographics.vn>

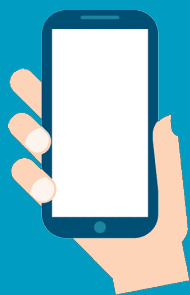
Thông tin

PHỔ BIẾN PHÁP LUẬT

Khi có dấu hiệu
SỐT, HO, KHÓ THỞ gọi
Đường dây nóng của Bộ Y tế

19009095

hoặc cơ quan y tế địa phương
để được hướng dẫn
đi khám bệnh an toàn



Thực hiện khai báo
y tế trên App NCOVI



Cài đặt ứng dụng
Bluezone tại địa chỉ

<https://www.bluezone.gov.vn>

để được cảnh báo nguy cơ
lây nhiễm COVID-19